

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 01/2022/KDTM-PT

Ngày: 24/01/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Võ ngọc Giàu

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 17 và ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A;

Địa chỉ: Đường T, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoàng Anh T – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng A.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh H – Nhân viên thu hồi nợ. (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền số 925/UQ-CNTG ngày 05/11/2021.

- *Bị đơn:* Công ty T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Văn Công H1 - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Khu phố A, Phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Văn Công H1, sinh năm 1969; (có mặt)
 2. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1971; (vắng mặt)
 3. Anh Văn Công T1, sinh năm 1992; (vắng mặt)
 4. Anh Văn Công T2, sinh năm 1997; (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
5. Anh Văn Công B, sinh năm 1995; (vắng mặt)
- Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
6. Ông Văn Công L, sinh năm 1977; (có mặt)
 7. Bà Lương Thị T3, sinh năm 1974; (có mặt)
 8. Anh Phan Minh H2, sinh năm: 1995; (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty T - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – Ngân hàng A, có người ủy quyền lại – ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngân hàng A – Chi nhánh Tiền Giang có ký với Công ty T hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 180136/2018-HĐCVHM/NHCT760-CTTHAIHOA ngày 10/08/2018 và các văn bản, sửa đổi bổ sung kèm theo hợp đồng này:

- Hạn mức vay: 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán thủy hải sản.
- Thời hạn cho vay của khoản vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.
- Lãi suất cho vay trong hạn: Theo phương thức thả nổi và xác định một tháng một lần vào ngày 30 dương lịch. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ.
- Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Chi tiết các giấy nhận nợ như sau:
 - + Giấy nhận nợ ngày 26/07/2019, số tiền giải ngân: 1.158.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,5%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 26/01/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 30/07/2019, số tiền giải ngân: 1.300.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,5%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 30/01/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 01/08/2019, số tiền giải ngân: 1.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,5%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 01/02/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 02/08/2019, số tiền giải ngân: 2.670.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,5%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 02/02/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 05/08/2019, số tiền giải ngân: 1.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 05/02/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 07/08/2019, số tiền giải ngân: 1.635.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 07/02/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 14/11/2019, số tiền giải ngân: 590.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 14/05/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 18/11/2019, số tiền giải ngân: 1.128.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 18/05/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 19/11/2019, số tiền giải ngân: 1.767.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 19/05/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 20/11/2019, số tiền giải ngân: 923.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi ba triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 20/05/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 22/11/2019, số tiền giải ngân: 1.745.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 22/05/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 26/11/2019, số tiền giải ngân: 730.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 26/05/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 28/11/2019, số tiền giải ngân: 1.630.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là:

7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 28/05/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 29/11/2019, số tiền giải ngân: 1.310.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm mười triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 29/05/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 02/12/2019, số tiền giải ngân: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 02/06/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 03/12/2019, số tiền giải ngân: 63.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 03/06/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 05/12/2019, số tiền giải ngân: 112.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 05/06/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 11/12/2019, số tiền giải ngân: 600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 11/06/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 18/12/2019, số tiền giải ngân: 494.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi bốn triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 18/06/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 20/12/2019, số tiền giải ngân: 493.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi ba triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 20/06/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 25/12/2019, số tiền giải ngân: 497.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 25/06/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 27/12/2019, số tiền giải ngân: 494.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi bốn triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 27/06/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 08/01/2020, số tiền giải ngân: 697.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi bảy triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 08/07/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 10/01/2020, số tiền giải ngân: 159.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 10/07/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 14/01/2020, số tiền giải ngân: 560.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 14/07/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 17/01/2020, số tiền giải ngân: 1.329.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm hai mươi chín triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 17/07/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 21/01/2020, số tiền giải ngân: 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 21/07/2020;

+ Giấy nhận nợ ngày 31/01/2020, số tiền giải ngân: 1.090.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 7,7%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 30DL dương lịch, gốc trả vào ngày 31/07/2020.

Các tài sản bảo đảm được dùng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty T, theo các hợp đồng thế chấp (HĐTC), cụ thể:

1. Hợp đồng thế chấp số 170098-01/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất trồng lúa 411m², thửa đất số 208, tờ bản đồ số 03, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01122 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/12/2011;

Tài sản 2: Đất trồng lúa 2.408m², thửa đất số 196, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05036/A3 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/05/2009;

Tài sản 3: Đất ở nông thôn 883,9m² thửa đất số 93, tờ bản đồ số TPC1/F tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05041/A7 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/05/2009;

Tài sản 4: Đất trồng lúa 2629m², thửa đất số 158, tờ bản đồ số TPC2 tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05037/A3 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/05/2009;

Tài sản 5: Đất ở tại nông thôn 169m², thửa đất số 2118, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02339 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/03/2014;

Tài sản 6: Đất trồng lúa 2120m², thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01, tại xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03068/XM do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/02/2008;

Tài sản 7: Đất trồng cây hàng năm khác 660m² thửa đất số: 520, tờ bản đồ số 01, tại xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03005/XM do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/01/2008;

Tài sản 8: Đất trồng lúa 4500m², thửa đất số 898, tờ bản đồ số 03, tại xã Tân Hòa, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H 01029/TN do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/04/2008;

2. Hợp đồng thế chấp số: 170098-06/HĐTC ngày 20/06/2017 và các văn bản sửa đổi bổ sung của hợp đồng thế chấp này được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-91679-TS, máy chính: CUMMINS (BigCam), số máy 10703984, công suất: 410, nơi chế tạo: Mỹ, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 370/2015, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/11/2015.

3. Hợp đồng thế chấp số: 180159/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018 được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở nông thôn 2601m², đất trồng cây lâu năm 351 m², thửa đất số 206, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00070 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2010, cập nhật nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 16/07/2018;

Tài sản 2: Đất trồng lúa 581 m², thửa đất số 207, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00069 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2010, cập nhật nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 13/06/2018 và ngày 16/07/2018).

4. Hợp đồng thế chấp số: 170098-04/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công L và bà Lương Thị T3 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất thổ 300 m² và đất trồng cây hàng năm khác 606 m², thửa đất số 2299, tờ bản đồ số TPC1 tại Ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00457/45QSDĐ/ do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/10/2002, cập nhật thay đổi thông tin ngày 28/03/2008, ngày 12/05/2014.

5. Hợp đồng thế chấp số: 170098-05/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa Hộ bà Lương Thị T3 (gồm: Bà Lương Thị T3, ông Văn Công L và ông Phan Minh H2) với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở nông thôn 100 m² và đất trồng cây hàng năm khác 310 m², thửa đất số 3062, tờ bản đồ số TPC1, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số CH00613 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/01/2011, cập nhật thông tin ngày 12/05/2014.

6. Hợp đồng thế chấp số: 170098-08/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công T1 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 300 m² và đất trồng cây hàng năm khác 583 m², thửa đất số 337, tờ bản đồ số TP-C2 tại xã Tân Phước, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02344/A4 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/10/2007, cập nhật thay đổi thông tin ngày 13/01/2016; ngày 17/02/2006.

7. Hợp đồng thế chấp số: 170098-03/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-90137-TS, máy chính: YANMAR 6GHA-ST, số máy 8283, công suất: 360, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 326/2015, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 19/08/2016.

8) Hợp đồng thế chấp số: 170098-07/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 400 m² và đất trồng cây lâu năm 637,6 m², thửa đất số 78, tờ bản đồ số 8, tại ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03879 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/12/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 23/03/2015; ngày 06/05/2016.

9. Hợp đồng thế chấp số: 180193/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018 được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 200 m² và đất trồng cây hàng năm khác 352,7 m², thửa đất số 77, tờ bản đồ số 8 tại ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03880 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/12/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 26/07/2018.

10. Hợp đồng thế chấp số: 170098-02/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 300 m², đất trồng cây hàng năm khác 435 m² và nhà ở diện tích sàn 161,5 m², thửa đất số 1338, tờ bản đồ số TPC4, tại xã Tân Phước, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02243 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/01/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 12/10/2016.

11. Hợp đồng thế chấp số: 170098-11/HĐTC ngày 15/08/2017 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tàu sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-93738-TS, máy chính: CUMMINS, số máy 11868531, công suất: 460, nơi chế tạo: Mỹ, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 243/2017, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/08/2017.

12. Hợp đồng thế chấp số: 170098-12/HĐTC ngày 24/08/2017 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tàu sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-91669-TS, máy chính: CUMMINS, số máy 11901909, công suất: 480, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 251/2017, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 22/08/2017.

13. Hợp đồng thế chấp số: 180032/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 12/02/2018 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tàu sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-92245-TS, máy chính: HINO, số máy B 1252, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 82/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018.

Tàu sản 2: Tàu cá số đăng ký: TG-92254-TS, máy chính: MITSUBISHI, số máy 13620, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 83/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018.

Tàu sản 3: Tàu cá số đăng ký: TG-92251-TS, máy chính: MITSUBISHI S6B MTK, số máy 13512, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 84/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018.

Toàn bộ các giao dịch thế chấp trên đều có công chứng và đăng ký thế chấp đầy đủ theo đúng quy định.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty T đã không thực hiện trả lãi, gốc đúng quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 180136/2018-HĐCVHM/NHCT760-CTTHAIHOA ngày 10/08/2018, nên khoản vay của Hợp đồng cho vay trên đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 08/02/2020.

Mặc dù Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang đã nhiều lần yêu cầu bên vay (Công ty T), bên bảo đảm (ông Hưởng, bà Đuộm, ông Lưỡng, bà Thảo, ông Hiếu, ông Tài, ông Biền, ông Tòng) thực thi các nghĩa vụ của mình nhưng các bên vẫn không thực hiện mà chỉ thực hiện một phần cụ thể vào ngày 10/3/2021 đã trả cho Ngân hàng được 775.000.000 đồng tiền gốc để giải ngân tàu cá số đăng ký: TG-92245-TS, máy chính: HINO, số máy B 1252, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 82/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018.

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang giải quyết những vấn đề như sau:

1. Công ty T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 180136/2018-HĐCVHM/NHCT760-CTTHAIHOA ngày 10/08/2018, theo đó:

- Tạm tính đến hết ngày 02/4/2021, Công ty T còn nợ Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang số tiền là: 25.450.078.162 đồng (Trong đó: Nợ gốc 21.983.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.538.408.457 đồng; Lãi phạt quá hạn: 906.626.760 đồng; Phạt chậm trả lãi: 22.042.945 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi Công ty T trả hết nợ.

- Ngoài ra, Công ty T phải trả các khoản lãi (trong hạn, quá hạn), lãi phạt cho đến khi Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang thu hồi hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có).

2. Buộc bên có liên quan là ông Văn Công H1, bà Phạm Thị Đ, ông Văn Công L, bà Lương Thị T3, ông Phan Minh H2, Hộ bà Lương Thị T3, ông Văn Công T1, ông Văn Công T2, ông Văn Công B phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên của Công ty T.

3. Ngay khi án có hiệu lực mà Công ty T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi toàn bộ các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – Công ty T, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc vay tiền tại Ngân hàng và thống nhất số tiền còn nợ ngân hàng số tiền vay của các hợp đồng vay hiện nay còn nợ tạm tính đến hết ngày 02/4/2021, Công ty T còn nợ Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang số tiền là: 25.450.078.162 đồng (Trong đó: Nợ gốc 21.983.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.538.408.457 đồng; Lãi phạt quá hạn: 906.626.760 đồng; Phạt chậm trả lãi: 22.042.945 đồng), và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh doanh nghiệp gặp khó khăn xin trả số tiền vốn và lãi phát sinh cụ thể như sau: Số tiền vốn còn lại phía Công ty T xin trả mỗi năm 1.000.000.000 đồng. Về phần tiền lãi yêu cầu Ngân hàng có chính sách không áp dụng lãi phạt cho doanh nghiệp và xem xét giảm tiền lãi cho doanh nghiệp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Văn Công L, bà Lương Thị T3 cùng trình bày:

Ông bà có ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 170098-04/HĐTC ngày 20/06/2017 và hợp đồng thế chấp số: 170098-05/HĐTC ngày 20/06/2017 để đảm bảo cho hợp đồng vay tiền cho Công ty T. Nay ông bà xin được trả 500.000.000 đồng để lấy phần tài sản của mình đã thế chấp gồm: Đất thổ 300 m² và đất trồng cây hàng năm khác 606 m², thửa đất số: 2299, tờ bản đồ số TPC1 tại Ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00457/45QSDĐ/ do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/10/2002, cấp

nhật thay đổi thông tin ngày 28/03/2008, ngày 12/05/2014; Đất ở nông thôn 100 m² và đất trồng cây hàng năm khác 310 m², thửa đất số: 3062, tờ bản đồ số TPC1, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00613 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/01/2011, cập nhật thông tin ngày 12/05/2014.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Văn Công H1 trình bày:* Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và xin Ngân hàng tạo điều kiện cho công ty bán tài sản để trả nợ cho ngân hàng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Đ, anh Văn Công T1, anh Văn Công T2, anh Văn Công B, anh Phan Minh H2 vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, 98 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A;

Buộc Công ty T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/4/2021 của Hợp đồng cho vay hạn mức số 180136/2018-HĐCVHM/NHCT760-CTTHAIHOA ngày 10/08/2018 là 25.450.078.162 đồng (Hai mươi lăm tỷ bốn trăm năm chục ngàn không trăm bảy mươi tám ngàn một trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện G phát mãi tài sản thế chấp là: Đất trồng lúa 411m², thửa đất số 208, tờ bản đồ số 03, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01122 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/12/2011; Đất trồng lúa 2.408m², thửa đất số 196, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05036/A3 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/05/2009; Đất ở nông thôn 883,9m² thửa đất số 93, tờ bản đồ số TPC1/F tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05041/A7 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/05/2009; Đất

trồng lúa 2629m², thửa đất số 158, tờ bản đồ số TPC2 tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05037/A3 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/05/2009; Đất ở tại nông thôn 169m², thửa đất số 2118, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02339 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/03/2014; Đất trồng lúa 2120m², thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01, tại xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03068/XM do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/02/2008; Đất trồng cây hàng năm khác 660m² thửa đất số: 520, tờ bản đồ số 01, tại xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03005/XM do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/01/2008; Đất trồng lúa 4500m², thửa đất số 898, tờ bản đồ số 03, tại xã Tân Hòa, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01029/TN do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/04/2008; Tàu cá số đăng ký: TG-91679-TS, máy chính: CUMMINS (BigCam), số máy 10703984, công suất: 410, nơi chế tạo: Mỹ, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 370/2015, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/11/2015; Đất ở nông thôn 2601m², đất trồng cây lâu năm 351 m², thửa đất số 206, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00070 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2010, cập nhật nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 16/07/2018; Đất trồng lúa 581 m², thửa đất số 207, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00069 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2010, cập nhật nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 13/06/2018 và ngày 16/07/2018; Đất thổ 300 m² và đất trồng cây hàng năm khác 606 m², thửa đất số 2299, tờ bản đồ số TPC1 tại Ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00457/45QSĐĐ do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/10/2002, cập nhật thay đổi thông tin ngày 28/03/2008, ngày 12/05/2014; Đất ở nông thôn 100 m² và đất trồng cây hàng năm khác 310 m², thửa đất số 3062, tờ bản đồ số TPC1, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00613 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/01/2011, cập nhật thông tin ngày 12/05/2014; Đất ở tại nông thôn 300 m² và đất trồng cây hàng năm khác 583 m², thửa đất số: 337, tờ bản đồ số TP-C2 tại xã Tân Phước, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02344/A4 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/10/2007, cập nhật thay đổi thông tin ngày 13/01/2016; ngày 17/02/2006; Tàu cá số đăng ký: TG-90137-TS, máy chính: YANMAR 6GHA-ST, số máy 8283, công suất: 360, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 326/2015, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 19/08/2016; Đất ở tại nông thôn 400 m² và đất trồng cây lâu năm 637,6 m², thửa đất số 78, tờ bản đồ số 8, tại ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03879 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp

ngày 01/12/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 23/03/2015, ngày 06/05/2016; Đất ở tại nông thôn 200 m² và đất trồng cây hàng năm khác 352,7 m², thửa đất số 77, tờ bản đồ số 8 tại ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03880 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/12/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 26/07/2018; Đất ở tại nông thôn 300 m², đất trồng cây hàng năm khác 435 m² và Nhà ở diện tích sàn 161,5 m² thửa đất số 1338, tờ bản đồ số TPC4, tại xã Tân Phước, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02243 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/01/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 12/10/2016; Tàu cá số đăng ký: TG-93738-TS, máy chính: CUMMINS, số máy 11868531, công suất: 460, nơi chế tạo: Mỹ, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 243/2017, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/08/2017; Tàu cá số đăng ký: TG-91669-TS, máy chính: CUMMINS, số máy 11901909, công suất: 480, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 251/2017, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 22/08/2017; Tàu cá số đăng ký: TG-92254-TS, máy chính: MITSUBISHI, số máy 13620, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 83/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018; Tàu cá số đăng ký: TG-92251-TS, máy chính: MITSUBISHI S6B MTK, số máy 13512, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 84/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2021, bị đơn Công ty T - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D. kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho công ty được hưởng chính sách miễn lãi quá hạn, lãi phạt. Vì do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên công ty hoạt động không hiệu quả.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, nguyên đơn trình bày, sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử thì phía bị đơn có thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 5.000.000.000 đồng vốn vay. Cụ thể ngày 31/12/2021 trả 1.500.000.000 đồng; Ngày 06/5/2021 trả 2.500.000.000 đồng và ngày 26/5/2021 trả 1.000.000.000 đồng. Phía Ngân hàng cũng đã giải chấp một số tài sản thế chấp bao gồm:

+ **Hợp đồng thế chấp số: 170098-04/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa ông Văn Công L và bà Lương Thị T3 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất thổ 300 m² và đất trồng cây hàng năm khác 606 m², thửa đất số 2299, tờ bản đồ số TPC1 tại Ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00457/45QSDĐ do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/10/2002, cập nhật thay đổi thông tin ngày 28/03/2008, ngày 12/05/2014.

+ **Hợp đồng thế chấp số: 170098-05/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa Hộ bà Lương Thị T3 (gồm: Bà Lương Thị T3, ông Văn Công L và ông Phan Minh H2) với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở nông thôn 100 m² và đất trồng cây hàng năm khác 310 m², thửa đất số 3062, tờ bản đồ số TPC1, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00613 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/01/2011, cập nhật thông tin ngày 12/05/2014.

+ **Hợp đồng thế chấp số: 170098-07/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 400 m² và đất trồng cây lâu năm 637,6 m², thửa đất số 78, tờ bản đồ số 8, tại ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03879 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/12/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 23/03/2015, ngày 06/05/2016.

+ **Hợp đồng thế chấp số: 180193/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018** được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 200 m² và đất trồng cây hàng năm khác 352,7 m², thửa đất số 77, tờ bản đồ số 8 tại ấp Bà Lãnh, xã Tân Đông, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03880 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/12/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 26/07/2018.

Bị đơn cũng thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn. Như vậy cả hai bên đương sự đều xác định nợ gốc còn lại: 16.983.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.538.408.457 đồng; Lãi phạt quá hạn: 906.626.760 đồng; Phạt chậm trả lãi: 22.042.945 đồng. Ngân hàng đồng ý yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án như sau:

+ Đối với các hợp đồng thế chấp có ghi giá trị nghĩa vụ bảo đảm thì thực hiện theo nghĩa vụ bảo đảm và các khoản lãi phát sinh theo nghĩa vụ bảo đảm, số tài sản còn lại được giao trả cho chủ sở hữu.

+ Đối với các hợp đồng thế chấp không ghi giá trị nghĩa vụ bảo đảm thì tuyên thanh toán toàn bộ số nợ vay và lãi phát sinh theo hợp đồng hạn mức vay.

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về số tiền còn nợ lại là nợ gốc còn lại: 16.983.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.538.408.457 đồng; Lãi phạt quá hạn: 906.626.760 đồng; Phạt chậm trả lãi: 22.042.945 đồng, tổng cộng 20.450.078.162 đồng. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét do hoàn cảnh dịch bệnh nên chỉ xin trả vốn vay, xin bỏ tất cả các khoản lãi; yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp đối với các hợp đồng thế chấp có ghi nghĩa vụ bảo đảm bằng số tiền cụ thể thì phát mãi tài sản đảm bảo trả theo giá trị nghĩa vụ bảo đảm đã thỏa thuận cùng với lãi phát sinh của nghĩa vụ bảo đảm đó; Đồng

thời xin Hội đồng xét xử cho miễn, giảm toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm do bị đơn gặp khó khăn, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 kéo dài. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm thì nguyên đơn và bị đơn cùng xác định sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn có trả cho nguyên đơn được 5.000.000.000 đồng vốn vay và đã giải chấp một số tài sản thế chấp. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử buộc trả nợ vay và phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thanh toán nợ vay là chưa phù hợp. Bởi lẽ trong số 13 hợp đồng thế chấp tài sản thì có 09 hợp đồng thế chấp có ghi trị giá nghĩa vụ thế chấp, nhưng Tòa án sơ thẩm không xem xét riêng đối với từng hợp đồng thế chấp để xử lý tài sản thế chấp đúng theo thỏa thuận thế chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn và xác định nghĩa vụ trong phạm vi bảo đảm đối với các hợp đồng thế chấp có ghi giá trị nghĩa vụ bảo đảm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Phạm Thị Đ; anh Văn Công T1; anh Văn Công T2; anh Văn Công B và anh Phan Minh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo qui định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngân hàng A – Chi nhánh Tiền Giang có ký với Công ty T hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 180136/2018-HĐCVHM/NHCT760-CTTHAIHOA ngày 10/08/2018 và các văn bản, sửa đổi bổ sung kèm theo hợp đồng này:

- Hạn mức vay: 25.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán thủy hải sản.
- Thời hạn cho vay của khoản vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.
- Lãi suất cho vay trong hạn: Theo phương thức thả nổi và xác định một tháng một lần vào ngày 30 dương lịch. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ.

- Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Lãi suất chậm trả lãi: Theo qui định của bên cho vay.

Đính kèm hợp đồng vay này là các giấy nhận nợ và 13 hợp đồng thế chấp chấp tài sản. Sau khi vay tiền, bị đơn không thanh toán vốn và lãi đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay, lãi phát sinh và phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử thì bị đơn kháng cáo bản án xin bỏ tiền lãi, xin miễn giảm tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm và tuyên án cụ thể đối với các hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán nợ và bị đơn có thanh toán số tiền 5.000.000.000 đồng trong quá trình kháng cáo vụ án chờ xét xử phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với số tiền 5.000.000.000 đồng tiền vốn vay mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử (giai đoạn kháng cáo bản án) và nguyên đơn cũng thừa nhận có nhận số tiền vốn này và đã giải chấp tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp gồm: **Hợp đồng thế chấp số: 170098-04/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa ông Văn Công L và bà Lương Thị T3 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang; **Hợp đồng thế chấp số: 170098-05/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa Hộ bà Lương Thị T3 (gồm: Bà Lương Thị T3, ông Văn Công L và ông Phan Minh H2) với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang; **Hợp đồng thế chấp số: 170098-07/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang; **Hợp đồng thế chấp số: 180193/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018** được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận và trình bày thống nhất, đã thực hiện xong việc giao trả số tiền 5.000.000.000 đồng, đồng thời đã giải chấp tài sản thế chấp theo các hợp đồng nêu trên xong. Nên Tòa án phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự và sửa một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền vốn vay đã trả là 5.000.000.000 đồng cùng với việc giải chấp tài sản.

[3.2] Đối với số tiền nợ còn lại, nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày thống nhất như sau: Tiền vốn vay còn nợ là 16.983.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.538.408.457 đồng; Lãi phạt quá hạn: 906.626.760 đồng; Phạt chậm trả lãi: 22.042.945 đồng. Tổng cộng 20.450.078.162 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả đủ số tiền này và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp còn lại để đảm bảo thi hành án, đối với các hợp đồng thế chấp không ghi giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phát mãi toàn bộ để thu hồi nợ. Riêng đối với các hợp đồng thế chấp tài sản có ghi giá trị nghĩa vụ bảo đảm thì xử lý tài sản trong phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm cùng với lãi phát sinh của phần nghĩa vụ bảo đảm. Bị đơn cũng đồng ý theo yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo đề nghị của nguyên đơn nhưng xin bỏ lãi vì hiện tại bị đơn đang gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 kéo dài không sản xuất kinh doanh được. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn đối với số nợ còn lại chưa thanh toán và phương án phát mãi tài sản của nguyên đơn là có căn cứ, phù

hợp với qui định của Điều 293 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc phát mãi tài sản để đảm bảo thi hành án. Xét nội dung bản án sơ thẩm quyết định: *“Ngay khi án có hiệu lực mà Công ty T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi toàn bộ các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật”*. Xét thấy, việc xử lý tài sản thế chấp của Tòa án sơ thẩm là không phù hợp với qui định tại của Điều 293 của Bộ luật Dân sự, nên Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần phát mãi tài sản thế chấp như sau:

- Đối với các hợp đồng thế chấp tài sản nhưng không có ghi giá trị nghĩa vụ bảo đảm thì cần tuyên xử lý toàn bộ các tài sản kèm theo các hợp đồng này để đảm bảo việc thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn bao gồm: **Hợp đồng thế chấp số 170098-01/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang; **Hợp đồng thế chấp số: 180159/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018** được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang; **Hợp đồng thế chấp số: 170098-12/HĐTC ngày 24/08/2017** được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

- Đối với các hợp đồng thế chấp tài sản có ghi giá trị nghĩa vụ được bảo đảm trị giá bằng một số tiền cụ thể thì cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng phát mãi tài sản đảm bảo để thi hành đối với phần trị giá nghĩa vụ được bảo đảm đã thỏa thuận và số tiền lãi phát sinh theo giá trị nghĩa vụ bảo đảm, số tài sản còn lại được giao trả cho chủ sở hữu của tài sản đó, cụ thể:

+ Xét Hợp đồng thế chấp số: 170098-06/HĐTC ngày 20/06/2017 và các văn bản sửa đổi bổ sung của hợp đồng thế chấp này được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Xét nội dung hợp đồng thế chấp này đảm bảo nghĩa vụ trị giá 11.388.000.000 đồng (bút lục 131). Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận sau khi giải chấp một số tài sản cho bị đơn thì hai bên thỏa thuận hợp thế chấp này đảm bảo cho nghĩa vụ vay tối đa là 2.940.000.000 đồng, nên sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 2.940.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn vay 2.940.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ.

+ Xét Hợp đồng thế chấp số: 170098-08/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công T1 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang (bút lục 63). Xét nội dung hợp đồng thế chấp này đảm bảo nghĩa vụ trị giá 1.618.000.000 đồng (bút lục 63). Nên sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 1.618.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 1.618.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công T1.

+ Xét Hợp đồng thế chấp số: 170098-03/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Xét nội dung hợp đồng thế chấp này đảm bảo nghĩa vụ trị giá 1.500.000.000 đồng (bút lục 94). Nên

sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 1.500.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công B.

+ Xét Hợp đồng thế chấp số: 170098-02/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Xét nội dung hợp đồng thế chấp này đảm bảo nghĩa vụ trị giá 848.000.000 đồng (bút lục 88). Nên sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 848.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 848.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công T2.

+ Xét Hợp đồng thế chấp số: 170098-11/HĐTC ngày 15/08/2017 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Xét nội dung hợp đồng thế chấp này đảm bảo nghĩa vụ trị giá 2.750.000.000 đồng (bút lục 82). Nên sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 2.750.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 2.750.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công T2.

+ Xét Hợp đồng thế chấp số: 180032/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 12/02/2018 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên được sự cùng thống nhất trình bày: Tàu cá số đăng ký: TG-92245-TS, máy chính: HINO, số máy B 1252, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 82/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018 đã được giải chấp trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm; Còn lại tàu cá số đăng ký: TG-92254-TS, máy chính: MITSUBISHI, số máy 13620, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 83/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018; Tàu cá số đăng ký: TG-92251-TS, máy chính: MITSUBISHI S6B MTK, số máy 13512, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 84/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018. Còn thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trị giá 2.400.000.000 đồng. Nên sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 2.400.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 2.400.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công T2.

[3.3] Đối với yêu cầu kháng cáo xin bỏ tiền lãi của phía bị đơn, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không đồng ý bỏ phần lãi suất, nhưng trình bày căn cứ vào thiện chí trả nợ của bị đơn. Sau khi bị đơn thanh toán dứt điểm phần vốn vay thì phía nguyên đơn sẽ đề xuất xem xét hỗ trợ tiền lãi cho bị đơn ở giai đoạn thi hành án. Do đó, kháng cáo này của bị đơn không được Tòa án chấp nhận.

[3.4] Đối với kháng cáo xin miễn giảm án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Xét thấy, bị đơn có cung cấp giấy xác nhận của chính quyền địa phương về việc công ty của bị đơn đang gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 là có thật, nhưng không có căn cứ nào chứng minh bị đơn không còn tài sản để nộp tiền án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Từ các căn cứ phân tích như trên, xét kháng cáo của bị đơn là có cơ sở một phần được chấp nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm : Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo (bị đơn) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, số tiền nộp tạm ứng án phí được khấu trừ vào số tiền án phí kinh doanh thương mại mà bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 292, 293, 295, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91, 98 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty T; Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G tỉnh Tiền Giang.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Ngân hàng A và bị đơn là Công ty T;

- Bị đơn đã giao trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 5.000.000.000 đồng, nguyên đơn đã giải chấp tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp gồm: **Hợp đồng thế chấp số: 170098-04/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa ông Văn Công L và bà Lương Thị T3 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang; **Hợp đồng thế chấp số: 170098-05/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa Hộ bà Lương Thị T3 (gồm: Bà Lương Thị T3, ông Văn Công L và ông Phan Minh H2) với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang; **Hợp đồng thế chấp số: 170098-07/HĐTC ngày 20/06/2017** được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang; **Hợp đồng thế chấp số: 180193/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018** được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

(Các bên đã thực hiện xong trong giai đoạn kháng cáo chờ xét xử phúc thẩm)

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng A;

Buộc Công ty T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền vay (tiền gốc): 16.983.000.000 đồng, tiền lãi: 2.538.408.457 đồng, tiền lãi quá hạn: 906.626.760 đồng, lãi chậm thanh toán: 22.042.945 đồng. Số tiền lãi nêu trên được tính đến ngày 02/4/2021 của Hợp đồng cho vay hạn mức số 180136/2018-HĐCVHM/NHCT760-CTTHAIHOA ngày 10/08/2018 . Tổng cộng số tiền phải trả

là **20.450.078.162 đồng** (Hai mươi tỉ, bốn trăm năm mươi triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi hai đồng).

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/4/2021) Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Kể từ khi Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện G phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm:

5.1 Hợp đồng thế chấp số 170098-01/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất trồng lúa 411m², thửa đất số 208, tờ bản đồ số 03, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01122 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/12/2011;

Tài sản 2: Đất trồng lúa 2.408m², thửa đất số 196, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05036/A3 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/05/2009;

Tài sản 3: Đất ở nông thôn 883,9m² thửa đất số 93, tờ bản đồ số TPC1/F tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05041/A7 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/05/2009;

Tài sản 4: Đất trồng lúa 2629m², thửa đất số 158, tờ bản đồ số TPC2 tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 05037/A3 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/05/2009;

Tài sản 5: Đất ở tại nông thôn 169m², thửa đất số 2118, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 02339 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/03/2014;

Tài sản 6: Đất trồng lúa 2120m², thửa đất số 533, tờ bản đồ số 01, tại xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03068/XM do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/02/2008;

Tài sản 7: Đất trồng cây hàng năm khác 660m² thửa đất số: 520, tờ bản đồ số 01, tại xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03005/XM do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/01/2008;

Tài sản 8: Đất trồng lúa 4500m², thửa đất số 898, tờ bản đồ số 03, tại xã Tân Hòa, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01029/TN do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/04/2008;

5.2 Hợp đồng thế chấp số: 180159/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 04/10/2018 được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở nông thôn 2601m², đất trồng cây lâu năm 351 m², thửa đất số: 206, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00070 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2010, cập nhật nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 16/07/2018;

Tài sản 2: Đất trồng lúa 581 m², thửa đất số 207, tờ bản đồ số TPC2, tại xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00069 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/01/2010, cập nhật nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 13/06/2018 và ngày 16/07/2018).

5.3 Hợp đồng thế chấp số: 170098-12/HĐTC ngày 24/08/2017 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang. Tài sản thế chấp gồm:

Tàu sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-91669-TS, máy chính: CUMMINS, số máy 11901909, công suất: 480, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 251/2017, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 22/08/2017.

5.4 Hợp đồng thế chấp số: 170098-06/HĐTC ngày 20/06/2017 và các văn bản sửa đổi bổ sung của hợp đồng thế chấp này được ký giữa ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

Tàu sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-91679-TS, máy chính: CUMMINS (BigCam), số máy 10703984, công suất: 410, nơi chế tạo: Mỹ, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 370/2015, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/11/2015. Sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 2.940.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn vay 2.940.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công H1 và bà Phạm Thị Đ.

5.5 Hợp đồng thế chấp số: 170098-08/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công T1 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 300 m² và đất trồng cây hàng năm khác 583 m², thửa đất số 337, tờ bản đồ số TP-C2 tại xã Tân Phước, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02344/A4 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/10/2007, cập nhật thay đổi thông tin ngày 13/01/2016, ngày 17/02/2006. Sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 1.618.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 1.618.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công T1.

5.6 Hợp đồng thế chấp số: 170098-03/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công B với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

Tài sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-90137-TS, máy chính: YANMAR 6GHA-ST, số máy 8283, công suất: 360, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 326/2015, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 19/08/2016. Sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 1.500.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công B.

5.7 Hợp đồng thế chấp số: 170098-02/HĐTC ngày 20/06/2017 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 300 m², đất trồng cây hàng năm khác 435 m² và Nhà ở diện tích sàn 161,5 m² thửa đất số 1338, tờ bản đồ số TPC4, tại xã Tân Phước, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02243 do UBND huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/01/2014, cập nhật thay đổi thông tin ngày 12/10/2016. Sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 848.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 848.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công T2.

5.8 Hợp đồng thế chấp số: 170098-11/HĐTC ngày 15/08/2017 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

Tài sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-93738-TS, máy chính: CUMMINS, số máy 11868531, công suất: 460, nơi chế tạo: Mỹ, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 243/2017, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/08/2017. Sau khi phát mãi tài sản này đảm bảo thanh toán số tiền 2.750.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 2.750.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công T2.

5.9 Hợp đồng thế chấp số: 180032/2018/HĐBĐ/NHCT760 ngày 12/02/2018 được ký giữa ông Văn Công T2 với Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

Tài sản 1: Tàu cá số đăng ký: TG-92245-TS (Đã giải chấp xong).

Tài sản 2: Tàu cá số đăng ký: TG-92254-TS, máy chính: MITSUBISHI, số máy 13620, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 83/2018, do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018.

Tài sản 3: Tàu cá số đăng ký: TG-92251-TS, máy chính: MITSUBISHI S6B MTK, số máy 13512, công suất: 400, nơi chế tạo: Nhật, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 84/2018, do Chi Cục Thủy Sản Tiền Giang cấp ngày 09/02/2018.

Sau khi phát mãi tài sản Tàu cá số đăng ký: TG-92254-TS; Tàu cá số đăng ký: TG-92251-TS đảm bảo thanh toán số tiền vốn vay 2.400.000.000 đồng cùng số lãi phát sinh (của số tiền vốn 2.400.000.000 đồng) thì phần tài sản còn lại thuộc sở hữu của chủ tài sản là ông Văn Công T2.

6. Về án phí:

- Công ty T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và phải chịu 128.445.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí do Công ty T tạm nộp theo biên lai thu số 0018655 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Tiền Giang, nên phải nộp tiếp số tiền 126.445.000 đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 66.075.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng A đã nộp theo biên lai số 0018264 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án công khai lúc 14 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 01 năm 2022.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G, TG;
- CCTHADS huyện G, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Đạt